TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 07 - 7 - 2023.
V/v ly hôn giữa ông C và bà T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Ngọc Thu.

Ông Trần Quang Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh C, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số nhà 74, đường T, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số nhà 126, đường T, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10 tháng 3 năm 2023 ông Trần Minh C (nguyên đơn) trình bày: Ông và bà T sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 1998, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn. Ông cùng bà T chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên ông C yêu cầu giải quyết được ly hôn với bà T; ông C và bà T chung sống với nhau không có con chung; không có tạo lập tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Bích T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Minh C và bà Nguyễn Bích T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó đã sống ly thân, nên ông C có đơn yêu cầu xin được ly hôn với bà T, bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, bà T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vắng mặt không có lý do, ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do ông C cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện ông C và bà T có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 12 năm 2002. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc dẫn đến việc ông C và bà T sống ly thân, bà T được triệu tập nhiều lần không đến tham gia giải quyết, từ đó cho thấy Bà không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc ông C yêu cầu được ly hôn với bà T là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Thời gian chung sống ông C và bà T không có con chung; không có tạo lập tài sản chung và không có nợ chung; đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết các vấn đề vừa nêu trên.

[4] Ông Trần Minh C là người cao tuổi, nên ông được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Trần Minh C ly hôn bà Nguyễn Bích T.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Minh C được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm (người cao tuổi).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND Phường N, thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng